**Phụ lục số 28**

**Nội dung Báo cáo tổng kết hoạt động quản lý quỹ**

*(ban hành kèm theo Thông tư hướng dẫn về việc thành lập và quản lý quỹ mở)*

**BÁO CÁO TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ QUỸ**

(Bán niên 2020)

1. **Thông tin về quỹ**
2. Tên của quỹ, loại hình quỹ:

* Tên quỹ: ***Quỹ Đầu Tư Tăng Trưởng DFVN***
* Loại hình quỹ: *Quỹ mở*

1. Mục tiêu đầu tư của Quỹ:

Quỹ DFVN-CAF đặt mục tiêu tăng trưởng vốn và tài sản của Nhà đầu tư, phấn đấu cao hơn mức tăng trưởng của Thị trường Chứng khoán Việt Nam (VN-Index) trong dài hạn, bằng việc đầu tư chủ yếu vào các cổ phiếu niêm yết trên Thị trường Chứng khoán Việt Nam.

1. Thời hạn hoạt động của quỹ: *không xác định*
2. Danh mục tham chiếu (benchmark portfolio): *không áp dụng*
3. Chính sách phân chia lợi nhuận:

Như đã được đề cập trong Bản Cáo bạch, Quỹ đầu tư chủ yếu vào cổ phiếu với mục tiêu chính là tăng trưởng giá trị vốn trong giai đoạn trung và dài hạn; do đó Quỹ có hạn chế trong việc chia cổ tức. Việc phân phối lợi nhuận (nếu có) sẽ dựa trên cơ sở báo cáo tài chính kiểm toán của Quỹ trong khuôn khổ quy định của pháp luật, theo đề xuất của Công ty Quản lý Quỹ, được chấp thuận bởi Ban Đại diện Quỹ và được Đại hội Nhà đầu tư thông qua.

Quỹ DFVN-CAF sẽ chỉ xem xét việc phân phối lợi nhuận từ các nguồn và với các điều kiện sau đây:

* Lợi nhuận lũy kế của Quỹ cho đến cuối Năm tài chính mà Công ty Quản lý Quỹ đề xuất phân phối lợi nhuận phải dương sau khi trừ đi các chi phí phát sinh trong quá trình hoạt động theo quy định.
* Nguồn chia là từ lợi nhuận đã thực hiện của Quỹ trong quá trình hoạt động.
* Sau khi trừ số lợi nhuận dự kiến sẽ phân phối cho Nhà đầu tư, số lợi nhuận lũy kế còn lại cho đến cuối Năm tài chính mà Công ty Quản lý Quỹ đề xuất phân phối lợi nhuận vẫn phải lớn hơn hoặc bằng không (không được âm).
* Lợi nhuận phân chia được trích từ nguồn lợi nhuận để lại của Quỹ.
* Công ty Quản lý Quỹ chỉ được phân chia lợi nhuận khi Quỹ đã hoàn thành hoặc có đủ năng lực tài chính để hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; trích lập đầy đủ các qũy theo quy định tại Điều lệ Quỹ; ngay sau khi trả hết số lợi nhuận đã định, Quỹ vẫn phải bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác đến hạn

1. Số lượng đơn vị quỹ đang lưu hành tại ngày 30/06/2020: 7,974,395.39 đơn vị quỹ
2. Nội dung thay đổi tại Điều lệ Quỹ trong kỳ báo cáo: ***Không có***
3. Nội dung Nghị quyết Đại hội nhà đầu tư trong kỳ báo cáo:

Đại hội Nhà đầu tư thường niên năm tài chính 2019 của Quỹ DFVN-CAF được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. Căn cứ vào Biên bản kiểm phiếu của Quỹ DFVN-CAF vào ngày 21/04/2020, Đại hội Nhà đầu tư đã thông qua Nghị quyết Đại hội Nhà đầu tư thường niên năm tài chính 2019 với các nội dung như sau:

* Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động năm 2019 của Quỹ DFVN-CAF;
* Thông qua Báo cáo Tài chính năm 2019 đã được kiểm toán của Quỹ DFVN-CAF;
* Thông qua kế hoạch ngân sách hoạt động của Ban Đại diện Quỹ DFVN-CAF năm 2020;
* Thông qua mức thù lao của Ban Đại diện Quỹ là 5.000.000 VNĐ/tháng/người;
* Thông qua tổng thù lao của các thành viên Ban Đại diện Quỹ DFVN-CAF trong năm 2020 là: 180.000.000 VNĐ.
* Ủy quyền cho Ban Đại diện Quỹ lựa chọn 01 (một) trong 03 (ba) Công ty kiểm toán KPMG, E&Y và PWC thực hiện kiểm toán cho năm tài chính 2020 của Quỹ DFVN-CAF.

Thông qua kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2019 của Quỹ DFVN-CAF: Thông qua phương án KHÔNG phân phối lợi nhuận năm 2019 của Quỹ DFVN-CAF.

1. Ý kiến nhận xét của Ngân hàng giám sát về các nội dung quy định tại Điều 45 Thông tư hướng dẫn thành lập và quản lý Quỹ mở: Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam (“CTQLQ”) đã thực hiện nghiêm chỉnh việc lập các báo cáo tuần, tháng, quý, bán niên theo quy định cho Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước.
2. **Báo cáo về kết quả hoạt động của Quỹ**
3. Thông tin về danh mục đầu tư và giá trị tài sản ròng của quỹ tại thời điểm 30/06 của 3 năm gần nhất (nếu có), cụ thể:

* Danh mục của Quỹ DFVN-CAF:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Cơ cấu tài sản quỹ** | **30/06/2020**  **(%)** | **30/06/2019**  **(%)** | **30/06/2018**  **(%)** |
| 1.Danh mục chứng khoán cơ cấu | 84.80% | 91.98% | N/A(1) |
| 2.Tiền và các khoản tương đương tiền | 8.71% | 7.04% | N/A(1) |
| 3.Tài sản khác | 6.49% | 0.98% | N/A(1) |
| **Cộng** | **100.00%** | **100.00%** |  |

Tỷ lệ phân bổ theo ngành của cổ phiếu niêm yết như bảng bên dưới:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Ngành** | **DFVN-CAF** | | |
| **30/06/2020** | **30/06/2019** | **30/06/2018 (\*)** |
| Tài chính | 40.0% | 24.6% |  |
| Bất động sản | 11.3% | 23.5% |  |
| Hàng tiêu dùng | 14.0% | 16.5% |  |
| Bán lẻ | 5.5% | 7.4% |  |
| Công nghiệp | 8.7% | 9.9% |  |
| Công nghệ thông tin | 4.9% | 2.9% |  |
| Vật liệu xây dựng | 8.5% | 1.9% |  |
| Tiện ích | 5.2% | 10.9% |  |
| Năng lượng | 1.8% | 2.3% |  |
| **Tổng cộng** | **100,0%** | **100,0%** |  |

* Giá trị tài sản ròng của quỹ; Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ, số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành; Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ cao nhất/thấp nhất trong năm:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Chỉ tiêu** | **30/06/2020** | **30/06/2019** | **30/06/2018 (\*)** |
| Giá trị tài sản ròng của quỹ (VND) | 72,524,507,896 | 79,018,509,529 |  |
| Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ tại ngày báo cáo (VNDCCQ) | 9,094.67 | 10,280.20 |  |
| Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành tại ngày báo cáo (CCQ) | 7,974,395.39 | 7,686,473.96 |  |
| Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ cao nhất trong năm (VND/CCQ) | 10,692.26 | 10,935.86 |  |
| Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ thấp nhất trong năm (VND/CCQ) | 7,497.48 | 9,991.19 |  |

* Tổng lợi nhuận của quỹ:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Chỉ tiêu (Đơn Vị tính: VND)** | **30/06/2020** | **30/06/2019** | **30/06/2018 (\*)** |
| **Tổng thu nhập của Quỹ (1)** | **(9,121,925,158)** | **3,366,072,025** |  |
| *- Cổ tức được chia trong năm* | 429,505,807 | 816,202,000 |  |
| *- Tiền lãi được nhận trong năm* | *-* | *-* |  |
| *- Các khoản thu nhập khác trong năm* | 3,567,235 | 19,244,025 |  |
| - *Lãi (lỗ) bán các khoản đầu tư* | (3,801,222,441) | 666,911,831 |  |
| *- Chênh lệch tăng (giảm) đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện tại ngày báo cáo* | (5,753,775,759) | 1,863,714,169 |  |
| **Tổng chi phí của Quỹ (2)** | **1,318,710,999** | **1,339,546,664** |  |
| **Tổng lợi nhuận của Quỹ tại ngày báo cáo (3) = (1)-(2)** | **(10,440,636,157)** | **2,026,525,361** |  |

* Lợi nhuận đã phân phối trên một đơn vị quỹ (giá trị thuần và giá trị gộp) trong kỳ báo cáo: Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận trong kỳ báo cáo
* Tỷ lệ chi phí hoạt động của quỹ và thuyết minh về việc chênh lệch chi phí hoạt động của quỹ:
* Tỷ lệ chi phí hoạt động trên Giá trị tài sản ròng trung bình trong năm 2020:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **CHỈ TIÊU** | **30/06/2020** | **31/12/2019** | **30/06/2019** | **31/12/2018** | **30/06/2018** |
| Tỷ lệ phí quản lý trả cho công ty quản lý quỹ trên Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ (%) | 1.50% | 1.49% | 1.47% | N/a | N/a |
| Tỷ lệ phí lưu ký, giám sát trả cho Ngân hàng Giám sát trên Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ (%) | 0.61% | 0.52% | 0.52% | N/a | N/a |
| Tỷ lệ chi phí dịch vụ quản trị quỹ, chi phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng và các chi phí khác mà công ty quản lý quỹ trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan trên Giá trị tài sản ròng của quỹ trung bình trong kỳ (%) | 0.44% | 0.47% | 0.56% | N/a | N/a |
| Chi phí kiểm toán trả cho tổ chức kiểm toán trên Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ (%) | 0.20% | 0.18% | 0.00% | N/a | N/a |
| Chi phí dịch vụ tư vấn pháp lý, dịch vụ báo giá và các dịch vụ hợp lý khác, thù lao trả cho ban đại diện quỹ trên Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ (%) | 0.25% | 0.21% | 0.20% | N/a | N/a |
| Tỷ lệ chi phí hoạt động trên Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ (%) | 3.63% | 3.45% | 3.37% | N/a | N/a |

* Tốc độ vòng quay danh mục và thuyết minh về việc chênh lệch tốc độ vòng quay của danh mục:
* Tốc độ vòng quay danh mục của quỹ trong năm 2020:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **CHỈ TIÊU** | **30/06/2020** | **30/06/2019** | **30/06/2018 (\*)** |
| Tốc độ vòng quay danh mục của quỹ cuối kỳ | 213.72% | 206.94% | #N/A |

1. Chỉ tiêu về lợi nhuận của Quỹ:

Tổng lợi nhuận bình quân năm của Quỹ phát sinh trong kỳ báo cáo xác định: (i) trong thời hạn 12 tháng (1 năm), tính tới ngày lập báo cáo (hoặc tính từ thời điểm lập Quỹ tới ngày báo cáo nếu Quỹ hoạt động dưới 1 năm); (ii) trong thời hạn 36 tháng (3 năm), tính tới ngày lập báo cáo (hoặc tính từ thời điểm lập Quỹ tới ngày báo cáo nếu Quỹ hoạt động dưới 3 năm); (iii) trong thời hạn 60 tháng (5 năm), tính tới ngày lập báo cáo (hoặc tính từ thời điểm lập Quỹ tới ngày báo cáo nếu Quỹ hoạt động dưới 5 năm):

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tổng lợi nhuận bình quân** | **Lợi nhuận đã thực hiện (VND)** | **Lợi nhuận chưa thực hiện (VND)** | **Lợi nhuận lũy kế (VND)** |
| (ii) trong thời hạn 36 tháng (3 năm), tính tới ngày 30/06/2020 | (5,259,597,460) | (1,947,473,493) | (7,207,070,953) |

1. Các chỉ tiêu so sánh khác: *Không áp dụng*
2. Khuyến cáo: Thông tin về kết quả hoạt động của Quỹ chỉ mang tính tham khảo và không có nghĩa là việc đầu tư sẽ bảo đảm khả năng sinh lời cho Nhà đầu tư trong tương lai.
3. **Báo cáo về hoạt động quản lý tài sản của Công ty Quản lý Quỹ**
4. Thuyết minh về việc thay đổi Công ty Quản lý Quỹ: *Quỹ không có thay đổi Công ty Quản lý Quỹ trong kỳ báo cáo;*
5. Thuyết minh về việc Quỹ có đạt được mục tiêu đầu tư: *Không áp dụng (thuyết minh này chỉ cần thiết tại báo cáo hàng năm của Quỹ);*
6. So sánh kết quả lợi nhuận của Quỹ với kết quả lợi nhuận của danh mục tham chiếu, chỉ số cơ sở công bố tại Bản cáo bạch trong cùng kỳ báo cáo (bằng đồ thị);





Quỹ bắt đầu giải ngân ngày 10/01/2019 và hoàn tất giải ngân đến cuối tháng 01 năm 2019. Sau thời gian giải ngân ban đầu, Quỹ đã bắt nhịp thị trường. Nhìn chung, Quỹ có mức tăng trưởng lợi nhuận (performance) tương đương với chỉ số VN-index.

1. So sánh kết quả lợi nhuận của Quỹ với kết quả lợi nhuận của danh mục tham chiếu, chỉ số cơ sở công bố tại Bản cáo bạch trong khoảng thời gian năm (05) năm gần nhất, tính tới ngày báo cáo (bằng đồ thị): *không áp dụng*;

e) Mô tả chiến lược, chiến thuật đầu tư mà Quỹ đã sử dụng trong kỳ báo cáo. Trường hợp có sự khác biệt giữa chiến lược, chiến thuật đầu tư thực hiện trong kỳ so với chiến lược, chiến thuật đầu tư đã công bố tại Bản cáo bạch, thì phải bổ sung thuyết minh và đánh giá ưu, nhược điểm của chiến lược, chiến thuật đầu tư đã thực hiện trong kỳ;

Chiến lược đầu tư của Quỹ theo đúng chiến lược đã công bố tại Bản cáo bạch: Quỹ sẽ đầu tư vào một danh mục đầu tư đa dạng hóa bao gồm các cổ phiếu niêm yết có mức vốn hóa lớn trên Thị trường Chứng khoán Việt Nam. Việc lựa chọn ngành nghề và công ty được thực hiện trên cơ sở đánh giá giá trị (value style), phân tích cơ bản (fundamental analysis) và đánh giá các yếu tố thị trường.

Điều kiện lựa chọn công ty như sau:

* Là công ty trong nhóm dẫn đầu ngành nghề kinh doanh
* Có tình trạng tài chính lành mạnh
* Có dòng tiền ổn định, chất lượng tài sản tốt
* Có hệ thống quản trị doanh nghiệp tin cậy.

Lĩnh vực đầu tư chính của Quỹ DFVN-CAF tập trung vào cổ phiếu niêm yết trên các Sở Giao dịch Chứng khoán

f) Mô tả sự khác biệt về cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ tại thời điểm báo cáo, so với danh mục đầu tư của Quỹ năm liền kề năm báo cáo:

Một biến cố đã xãy ra vào đầu năm 2020 là đại dịch Covid-19 gây ảnh hưởng tiêu cực lên toàn bộ nền kinh tế và đời sống xã hội nói chung và thị trường chứng khoán nói riêng. Theo đó, chỉ số chứng khoán đã trãi qua giai đoạn sụt giảm mạnh trong quý 1 trước khi phục hồi trong quý 2 năm 2020. Tuy nhiên, tình hình dịch bệnh vẫn đang tiếp diễn khó lường. Trước tình hình đó, danh mục đầu tư của Quỹ đã được cơ cấu lại theo hướng tăng tỷ trọng tiền mặt và các cổ phiếu và ngành liên quan đến nhu yếu phẩm và có khả năng thích ứng với tình hình khó khăn cũng như khả năng phục hồi nhanh sau dịch bệnh (Công nghệ thông tin, Tài chính, và vật liệu xây dựng), đồng thời giảm tỷ trọng các cổ phiếu và ngành có tính chất không thiết yếu (như Bất động sản, Hàng tiêu dùng không thiết yếu, Năng lượng).

g) Phân tích kết quả hoạt động của Quỹ dựa trên việc so sánh giá trị tài sản ròng trên một đơn vị Quỹ:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Chỉ tiêu | 30/06/2020 | 31/12/2019 | Tỷ lệ thay đổi |
| A | 1 | 2 | 3=((1)-(2))/(2) |
| Giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ | 72,524,507,896 | 80,870,153,926 | -10.32% |
| Giá trị tài sản ròng (NAV) trên 1 đơn vị CCQ | 9,094.67 | 10,438.11 | -12.87% |

Trong giai đoạn từ ngày 31 tháng 12 năm 2019 đến ngày 30 tháng 06 năm 2020, Quỹ có giá trị tài sản ròng (NAV) trên một đơn vị quỹ giảm do thị trường chứng khoán giảm điểm.

h) Đánh giá biến động của các thị trường trong kỳ báo cáo, kể cả thị trường nước ngoài, mà Quỹ đầu tư vào, thông tin về lợi nhuận đầu tư đối với từng loại tài sản: cổ phiếu, cổ phiếu blue-chip, cổ phiếu các công ty có mức vốn hóa thấp (small- cap);

Quỹ tập trung đầu tư vào cổ phiếu niêm yết trên các Sở Giao dịch Chứng khoán, đầu tư chủ yếu vào cổ phiếu các công ty niêm yết có giá trị vốn hóa thị trường lớn, thanh khoản cao của những doanh nghiệp dẫn đầu ngành, có nhiều lợi thế cạnh tranh, có tiềm năng tăng trưởng dài hạn, năng lực quản trị tốt minh bạch, tiềm lực tài chính tốt và có khả năng sinh lời vượt trội. Đồng thời, Quỹ cũng sẽ phân bổ một phần tài sản vào cổ phiếu các công ty niêm yết có giá trị vốn hóa và thanh khoản mặc dù không cao nhưng định giá tốt và có tiềm năng tăng trưởng rõ rệt trong tương lai.

Biểu đồ bên dưới thể hiện diễn biến chỉ số VN-index (dây màu xanh) và giá trị giao dịch (cột màu đỏ)



Thị trường chứng khoán trong quý 1 năm 2020 đã trải qua một biến cố nghiêm trọng là đại dịch Covid-19 khiến chỉ số VN-index sụt giảm mạnh hơn 31%, là mức giảm sâu nhất kể từ năm khủng khoảng kinh tế thế giới 2008, trước khi phục hồi gần 25% trong quý 2; lũy kế sáu tháng đầu năm nay, chỉ số VN-index giảm hơn 14%. Trong quá khứ, thị trường chứng khoán đã trải qua nhiều biến cố như dịch SARS năm 2002-2003, đại suy thoái kinh tế thế giới 2007-2008, khủng hoảng nợ Châu Âu 2010, tranh chấp Biển đông năm 2014, v.v. Nhìn chung, có nhiều biến cố đã xãy ra và ảnh hưởng tiêu cực lên thị trường chứng khoán, tuy nhiên, mức độ ảnh hưởng của các biến cố thường mang tính chất ngắn hạn so với cả quá trình phát triển bền vững lâu dài của nền kinh tế và thị trường chứng khoán. Theo đó, khi dịch Covid-19 bắt đầu có những dấu hiệu đạt đỉnh, các chương trình giãn cách xã hội sẽ dần kết thúc và hoạt động sản xuất kinh doanh thương mại sẽ được bắt đầu tái khởi động lại

Theo đánh giá của nhiều chuyên gia kinh tế và đầu tư cả trong và ngoài nước, Thị trường Chứng khoán Việt Nam vẫn là một kênh đầu tư hấp dẫn cho các Nhà đầu tư nước ngoài và trở thành một nguồn cung cấp tài chính thực sự cho nền kinh tế. Nhiều đánh giá cho thấy Thị trường đã trở nên hấp dẫn sau đợt giảm mạnh trong quý 1 năm 2020 cũng như mức giảm lũy kế hơn 14% trong sáu tháng đầu năm 2020. Một số điểm cốt lõi giúp củng cố xu hướng tăng điểm trong dài hạn cho Thị trường Chứng khoán Việt Nam như sau:

* Với môi trường kinh tế vĩ mô: Việt Nam được đánh giá phát triển ổn định thể hiện qua các tiêu chí như tăng trưởng GDP, tín dụng, lãi suất, lạm phát, tỷ giá, tình hình thu hút FDI, chỉ số PMI... như đã phân tích ở trên. Như vậy, nền kinh tế Việt Nam đang tiếp tục bước vào giai đoạn phát triển với một chu kỳ phát triển kinh tế mới.
* Về đánh giá Thị trường Chứng khoán: với định giá hợp lý và mức sinh lời hấp dẫn hơn so với các thị trường trong khu vực (mức giá trên thu nhập cổ phiếu PER hợp lý trong khi mức sinh lời trên vốn chủ sở hữu ROE, ROA khá cao). Điều này đã được chứng minh một phần qua mức độ tăng trưởng mạnh mẽ của Thị trường Chứng khoán thể hiện qua các chỉ số như giá trị mua ròng mạnh mẽ của Nhà đầu tư nước ngoài vào cổ phiếu niêm yết trong những năm 2017-2019.

Ngoài ra, các yếu tố mang tính sự kiện, xúc tác tạo động lực tăng trưởng cho Thị trường Chứng khoán như (i) việc nới room cho Nhà đầu tư nước ngoài; (ii) thúc đẩy cổ phần hóa và niêm yết Doanh nghiệp Nhà nước và việc niêm yết cổ phiếu của các ngân hàng trước năm 2020; (iii) triển vọng nâng hạng Thị trường Việt Nam (MSCI Emerging Market); (iv) tích cực đẩy mạnh tham gia các hiệp định thương mại tự do (FTAs); (v) thu hút vốn đầu tư vào thị trường chứng khoán thông qua các sản phẩm như quỹ chỉ số, hợp đồng tương lai, quyền chọn và Luật chứng khoán mới hiệu lực từ tháng 01 năm 2021. Bên cạnh đó, những rủi ro về tình hình dịch Covid-19 có ảnh hưởng đến sâu rộng đến sự an toàn và kinh tế trên toàn thế giới, và còn đó những rủi ro tiềm ẩn cần lưu ý bao gồm chiến tranh thương mại đang diễn ra hết sức phức tạp giữa Mỹ - Trung – và các nước khác, tình hình Trung Quốc tiếp tục suy giảm sâu bao gồm việc phá giá mạnh đồng Nhân dân tệ, bất ổn trên phương diện chính trị - kinh tế ở các nước Mỹ, Ý, và khu vực Châu Âu tác động tiêu cực, ảnh hưởng đến sự ổn định của đồng tiền VNĐ cũng như khả năng gây ra những biến động khó lường của dòng vốn đầu tư gián tiếp của nước ngoài vào Thị trường Chứng khoán Việt Nam.

Như vậy, với các yếu tố cơ bản về giá trị kết hợp với các yếu tố định tính như phân tích ở trên cho thấy Thị trường Chứng khoán Việt Nam trong thời gian sắp tới vẫn sẽ có một kịch bản sáng sủa hơn cùng với kỳ vọng tiếp tục khởi sắc dần của nền kinh tế, tạo tiền đề cho sự phát triển lâu dài trong những năm tiếp theo; và dĩ nhiên bức tranh sáng sủa phải kèm theo những giả định về điều kiện môi trường vĩ mô an toàn, kiềm chế được ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 trong thời gian sớm nhất

i) Thông tin về việc chia, tách đơn vị quỹ trong kỳ (nếu có); ảnh hưởng của việc chia tách đơn vị quỹ và giá trị tài sản ròng trên từng đơn vị quỹ (trước và sau khi chia, tách): *Quỹ không thực hiện chia tách đơn vị quỹ trong kỳ*

k) Các trường hợp có ảnh hưởng tới quyền lợi của nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ:

Quyền lợi của Nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ như theo quy định tại Điều lệ quỹ và Bản Cáo bạch.

l) Thông tin về các giao dịch với người có quyền lợi liên quan:

Quỹ không có thực hiện hoạt động đầu tư, giao dịch tài sản giữa Quỹ với Công ty Quản lý Quỹ và người có quyền lợi liên quan; ngoại trừ giao dịch Chứng chỉ Quỹ của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ như đã được công bố thông tin, báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, các khoản chi phí phù hợp với quy định tại Điều lệ Quỹ, Bản Cáo bạch.

**4. Báo cáo về hoạt động giám sát của Ngân hàng giám sát cho giai đoạn từ ngày 03/01/2019 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 30/06/2019:**

* Công ty Quản lý Quỹ vi phạm các quy định tại Khoản 1 Điều 37 Thông tư 183/2011/TT-BTC ngày 16/12/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc thành lập và quản lý quỹ mở và của Luật chứng khoán: ***Không có***
* Công ty Quản lý Quỹ định giá sai Chứng chỉ Quỹ (“CCQ”)mở:
* Đối với trường hợp mức độ định giá sai là lớn theo quy định tại khoản 1 Điều 20 Thông tư số 183/2011/TT-BTC ngày 16/12/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc thành lập và quản lý quỹ mở: ***Không có***
* Đối với trường hợp mức độ định giá sai là nhỏ, không phải bồi thường cho nhà đầu tư: ***Không có***
* Công ty Quản lý Quỹ vi phạm các quy định về hạn chế đầu tư, hạn chế vay, hạn chế giao dịch tại Điều 92 của Luật chứng khoán; Điều 15, 16, 17 Thông tư số 183/2011/TT-BTC ngày 16/12/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc thành lập và quản lý quỹ mở được sửa đổi bởi khoản 9, 10 Điều 1 Thông tư số 15/2016/TT-BTC ngày 20/01/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 183/2011/TT-BTC (“Thông tư 15/2016/TT-BTC”) và khoản 11, 12 Điều 1 Thông tư số 15/2016/TT-BTC: ***Không có***
* Công ty Quản lý Quỹ vi phạm các quy định về phân phối chứng chỉ quỹ (ngoại trừ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 11 và khoản 2 Điều 12 Thông tư số 183/2011/TT-BTC ngày 16/12/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc thành lập và quản lý quỹ mở) ): ***Không có***

Chi tiết về phân phối chứng chỉ Quỹ:

Tổng số chứng chỉ Quỹ tại cuối ngày 31/12/2019: : 7.747.580,49 CCQ

Tổng số chứng chỉ Quỹ phát hành thêm trong kỳ : 271.479,05 CCQ

Tổng số chứng chỉ Quỹ mua lại trong kỳ : 44.664,15 CCQ

|  |
| --- |
| Tổng số chứng chỉ Quỹ tại cuối ngày 30/06/2020 : 7.974.395,39 CCQ |

* Công ty Quản lý Quỹ vi phạm các quy định khác mà Ngân hàng Giám sát phát hiện: ***Không có***
* Các hoạt động khác: ***Không có***

**5. Báo cáo về hoạt động ủy quyền**

a) Chi phí phải trả cho bên nhận ủy quyền so với lợi nhuận, thu nhập, tổng chi phí hoạt động của Quỹ:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Chi phí phải trả cho bên nhận ủy quyền** | **Tỷ lệ so với  lợi nhuận** | **Tỷ lệ so với thu nhập** | **Tỷ lệ so với Tổng chi phí hoạt động** |
| Phí dịch vụ quản trị Quỹ mở | 1.01% | 0.80% | 5.51% |
| Phí dịch vụ Đại lý chuyển nhượng | 1.22% | 0.97% | 6.69% |

b) Các ảnh hưởng (nếu có) của hoạt động ủy quyền tới lợi nhuận, mức độ rủi ro của Quỹ: ***Không có***

c) Tổng chi phí các hoạt động ủy quyền phải trả cho bên nhận ủy quyền (trường hợp bên nhận ủy quyền cung cấp nhiều dịch vụ cho Công ty Quản lý Quỹ)

Chi phí các hoạt động ủy quyền bao gồm dịch vụ Quản trị Quỹ và dịch vụ Đại lý chuyển nhượng phải trả cho bên nhận ủy quyền – Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) từ ngày 01/01/2020 đến 30/06/2020 như sau:

|  |  |
| --- | --- |
| Phí dịch vụ quản trị Quỹ mở (VND) | 72,600,003 |
| Phí dịch vụ Đại lý chuyển nhượng (VND) | 88,278,546 |
| **Tổng cộng (VND)** | **160,878,549** |

d) Trong quá trình hoạt động của Quỹ, Công ty cho rằng dịch vụ Quản trị Quỹ, Đại lý Chuyển nhượng của Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam) vẫn đáp ứng theo yêu cầu về khả năng duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, tính bảo mật, hạ tầng cơ sở vật chất kỹ thuật, hệ thống dự phòng nóng, hệ thống dự phòng thảm họa, bảo đảm hoạt động ủy quyền cung cấp các dịch vụ Quản trị Quỹ và Đại lý Chuyển nhượng cho Quỹ Đầu tư Tăng trưởng DFVN (DFVN-CAF) được thực hiện thông suốt, không gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của nhà đầu tư.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Tổng Giám đốc Công ty quản lý quỹ**  *Trần Châu Danh* |